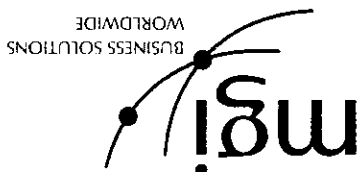




CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BÔNG NAI - KRATIE
BẢO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
(Đã được kiểm toán)

A member of MCI International

Thành viên Hãng Kiểm toán MCI Quốc tế



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	6 - 22
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Đồng Nai - Kratie (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Nai - Kratie (tên tiếng Anh là Dong Nai - Kratie Rubber Joint – Stock Company) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3601014972 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 18/9/2013.

Công ty có trụ sở chính đặt tại: Số 13, ấp Trung tâm, đường số 3, xã Xuân Lập, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lỗ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty là 2.950.873.600 đồng (lỗ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 là 1.011.029.840 đồng)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Ngô Toàn	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Hằng	Ủy viên
Ông Ngô Minh Lăng	Ủy viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Thạnh	Trưởng ban
Bà Trần Thị Lý	Thành viên
Ông Hồ Hữu Nghĩa	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Ngô Toàn	Tổng Giám đốc
--------------	---------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2014, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Ngô Toàn
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, Việt Nam
Ngày 15 tháng 01 năm 2015

Số: 0625/BCKT/TC/NV6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Đồng Nai - Kratie

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Nai - Kratie được lập ngày 15/01/2015, từ trang 6 đến trang 22, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Nai - Kratie tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình Bày Báo cáo tài chính.



BÙI ĐỨC VINH

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0654 - 2013
- 126 - 1

LÊ THỊ VÂN ANH

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2472 - 2013
- 126 - 1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**

Hà nội, Ngày 16 tháng 01 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẪN HẠN		99.866.546.702	64.079.810.295
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	28.876.195.364	13.840.719.993
111	1. Tiền		18.876.195.364	13.840.719.993
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	0
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		0	0
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		70.935.031.913	50.211.872.792
131	1. Phải thu khách hàng		0	0
132	2. Trễ trước cho người bán		0	0
135	5. Các khoản phải thu khác	V.02	70.935.031.913	50.211.872.792
140	IV. Hàng tồn kho		0	0
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		55.319.425	27.217.510
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		0	0
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		38.692.414	10.590.499
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.03	16.627.011	16.627.011
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		0	0
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		889.206.106.810	815.992.318.034
210	I- Các khoản phải thu dài hạn		0	0
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		0	0
218	4. Phải thu dài hạn khác		0	0
220	II. Tài sản cố định		599.451.017	858.178.947
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.04	520.617.688	750.678.950
222	- Nguyên giá		1.771.922.731	1.771.922.731
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.251.305.043)	(1.021.243.781)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		0	0
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.05	78.833.329	107.499.997
228	- Nguyên giá		167.900.000	167.900.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(89.066.671)	(60.400.003)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		0	0
240	III. Bất động sản đầu tư		0	0
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		888.580.929.427	815.096.464.427
251	1. Đầu tư vào công ty con		603.799.329.427	541.056.464.427
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		0	0
258	3. Đầu tư dài hạn khác	V.07	284.781.600.000	274.040.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		0	0
260	V. Tài sản dài hạn khác		25.726.366	37.674.660
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.08	25.726.366	37.674.660
268	3. Tài sản dài hạn khác		0	0
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		989.072.653.512	880.072.128.329

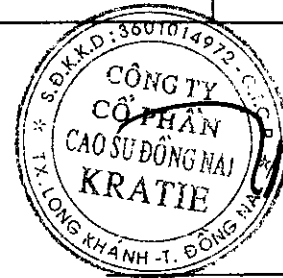
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		285.139.844,357	281.188.445,574
310	I. Nợ ngắn hạn		358.244,357	402.845,574
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		0	0
312	2. Phải trả người bán		0	0
313	3. Người mua trả tiền trước		0	0
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.09	4.800,000	8.850,000
315	5. Phải trả người lao động		0	0
316	6. Chi phí phải trả	V.10	333.044,357	373.595,574
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	V.11	20.400,000	20.400,000
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		0	0
330	II. Nợ dài hạn		284.781.600,000	280.785.600,000
331	1. Phải trả dài hạn người bán		0	0
333	3. Phải trả dài hạn khác		0	0
334	4. Vay và nợ dài hạn	V.12	284.781.600,000	280.785.600,000
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		0	0
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		0	0
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		0	0
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		703.932.809,155	598.883.682,755
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.13	703.932.809,155	598.883.682,755
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		708.000.000,000	600.000.000,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		0	0
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		0	0
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		0	0
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		0	0
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		0	0
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		0	0
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		0	0
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		0	0
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(4.067.190.845)	(1.116.317,245)
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		0	0
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		0	0
431	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		0	0
432	2. Nguồn kinh phí		0	0
433	3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		0	0
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		989.072.653,512	880.072.128,329

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
+ Đồng đô la mỹ (USD)		69,29	97,76
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			



Người lập biểu

Hồ Văn Hà

Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 15 tháng 01 năm 2015

Kế toán trưởng

Huỳnh Văn Tư

Tổng Giám đốc

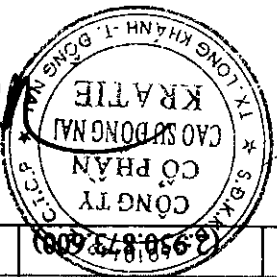
Ngô Toàn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		0	0
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		0	0
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		0	0
11	4. Giá vốn hàng bán		0	0
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		0	0
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	V.14	21.642.722.645	51.142.104.924
22	7. Chi phí tài chính	V.15	22.002.981.871	49.898.131.405
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		21.288.391.651	49.898.131.405
24	8. Chi phí bán hàng		0	0
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		2.587.724.080	2.248.925.609
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.947.983.306)	(1.004.952.090)
31	11. Thu nhập khác	V.16	0	0
32	12. Chi phí khác		2.890.294	6.077.750
40	13. Lợi nhuận khác		(2.890.294)	(6.077.750)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(2.950.873.600)	(1.011.029.840)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		0	0
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		0	0
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(2.950.873.600)	(1.011.029.840)



Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hồ Văn Hà
 Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 15 tháng 01 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG NĂM 2014
 Theo phương pháp trực tiếp

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX kinh doanh			
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	02	0	(712.940.928)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(631.594.000)	(563.819.000)
4. Tiền chi trả lại	04	(21.328.942.868)	(20.749.562.324)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	0	0
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	850.690.519	1.242.802.201
7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	07	(2.571.175.032)	(1.543.719.732)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX-KD	20	(23.681.021.381)	(22.327.239.783)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	0	(45.300.000)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23	(6.792.000.000)	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(62.742.865.000)	(115.983.000.000)
7. Tiền thu lại cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	251.361.752	672.931.151
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(69.283.503.248)	(115.355.368.849)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	108.000.000.000	100.000.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	0	42.146.500.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	108.000.000.000	142.146.500.000
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	15.035.475.371	4.463.891.368
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TỶ ĐỐI NGẪY ĐẦU NĂM	60	13.840.719.993	9.376.828.625
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	0
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TỶ ĐỐI NGẪY CÚI NĂM	70	28.876.195.364	13.840.719.993



Tổng Giám đốc
 Ngô Toàn

Kế toán trưởng
 Huỳnh Văn Tư

Người lập biên
 Hồ Văn Hà
 Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 15 tháng 01 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Năm 2014****I. THÔNG TIN CHUNG**

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Nai - Kratie (tên tiếng Anh là Dong Nai - Kratie Rubber Joint – Stock Company) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3601014972 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 12/5/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 18/9/2013.

Hoạt động chính của Công ty gồm:

- Bán buôn vật tư nông nghiệp, bán buôn phân bón, hóa chất (trừ hóa chất độc hại thuộc danh mục cấm);
- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (hoạt động ngoài tỉnh);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Trồng cây hàng năm khác (trồng cây nông nghiệp);
- Khai thác gỗ (khai thác sản phẩm từ cây cao su và cây nông nghiệp);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (xây dựng công trình công nghiệp);
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (sản xuất sản phẩm từ gỗ);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Bán mô tô, xe máy;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (hoạt động ngoài tỉnh);
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch (sản phẩm từ cây cao su và cây nông nghiệp);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (bán buôn sản phẩm từ gỗ);
- Trồng cây cao su;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (kinh doanh khách sạn);
- Đại lý du lịch (kinh doanh du lịch sinh thái);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ./.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 708.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 70.800.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/01 cổ phần.

Công ty có trụ sở chính: Số 13, ấp Trung tâm, đường số 3, xã Xuân Lập, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 061.3643103

Fax: 061.3643151

Email: ctycpsdnkratie@yahoo.com.vn

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Toàn – Tổng Giám đốc (sinh ngày 25/8/1959; Dân tộc Kinh, Quốc tịch Việt Nam; Chứng minh nhân dân số 270160641 do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 22/7/2004; Địa chỉ thường trú: G6, ấp 2, xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm dương lịch.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp được quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT - BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính v/v Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước Việt Nam đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chỉ phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong quá trình chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

4. Nguyên tắc ghi nhận tài sản ngắn hạn khác

Tài sản ngắn hạn khác của Công ty được phản ánh bao gồm chi phí trả trước, chi phí chờ kết chuyển, thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, các khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước, các khoản tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------|-------------|
| • Phương tiện vận tải | 03 - 06 năm |
| • Thiết bị văn phòng | 03 - 05 năm |
| • Phần mềm quản lý | 04 năm |

6. Nguyên tắc ghi nhận đầu tư vào Công ty liên kết và các khoản đầu tư tài chính khác

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Phương pháp xác định doanh thu

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Lãi ngân hàng và các khoản cho vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

12. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

13. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

RIÊNG

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

Số cuối năm	Số đầu năm
185.144.002	67.163.020
18.691.051.362	13.773.556.973
0	0
10.000.000.000	0
28.876.195.364	13.840.719.993

Cộng

Các khoản tương đương tiền

Tiền đang chuyển

Tiền gửi ngân hàng

Tiền mặt

02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

Số cuối năm	Số đầu năm
0	0
2.500.000	0
70.932.531.913	50.211.872.792
70.935.031.913	50.211.872.792

Cộng

Phải thu về thuế thu nhập cá nhân

Phải thu lãi tiền gửi

Phải thu lãi tiền cho vay

03. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Số cuối năm	Số đầu năm
16.627.011	16.627.011
16.627.011	16.627.011

Cộng

04. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khản mục	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dùng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.709.006.822	62.915.909	1.771.922.731
Mua trong năm	0	0	0
Thanh lý, nhượng bán	0	0	0
Giảm khác	0	0	0
Số dư cuối năm	1.709.006.822	62.915.909	1.771.922.731
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.000.158.465	21.085.316	1.021.243.781
Khấu hao trong năm	223.589.830	6.471.432	230.061.262
Thanh lý, nhượng bán	0	0	0
Giảm khác	0	0	0
Số dư cuối năm	1.223.748.295	27.556.748	1.251.305.043
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	708.848.357	41.830.593	750.678.950
Tại ngày cuối năm	485.258.527	35.359.161	520.617.688

05. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phản mềm kế toán	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	167.900.000	0	167.900.000
- Mua trong năm			0
- Thanh lý, nhượng bán			0
Số dư cuối năm	167.900.000	0	167.900.000
Giá trị hao mòn lũy kế			0
Số dư đầu năm	60.400.003		60.400.003
- Khấu hao trong năm	28.666.668		28.666.668
- Thanh lý, nhượng bán			0
Số dư cuối năm	89.066.671	0	89.066.671
Giá trị còn lại			
- Tại ngày đầu năm	107.499.997	0	107.499.997
- Tại ngày cuối năm	78.833.329	0	78.833.329

06. Đầu tư vào công ty con

Công ty TNHH Phát triển Cao su Đồng Nai Kratie

Cộng

Số cuối năm

603.799.329.427

603.799.329.427

Số đầu năm

541.056.464.427

541.056.464.427

07. Đầu tư dài hạn khác

Công ty TNHH Phát triển Cao su Đồng Nai Kratie

Cộng

Số cuối năm

284.781.600.000

284.781.600.000

Số đầu năm

274.040.000.000

274.040.000.000

08. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ

Phí bảo hiểm xe

Cộng

Số cuối năm

8.513.239

17.213.127

25.726.366

Số đầu năm

25.178.100

12.496.560

37.674.660

09. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế thu nhập cá nhân

Cộng

Số cuối năm

4.800.000

4.800.000

Số đầu năm

8.850.000

8.850.000

10. Chi phí phải trả

Chi phí lãi vay phải trả Ngân hàng SHB - CN Đồng Nai

Cộng

Số cuối năm

333.044.357

333.044.357

Số đầu năm

373.595.574

373.595.574

11. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

Phải trả khác

Cộng

Số cuối năm

20.400.000

20.400.000

Số đầu năm

20.400.000

20.400.000

12. Vay và nợ dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn Ngân hàng SHB - CN Đồng Nai (*)	284.781.600.000	280.785.600.000
Nợ dài hạn	0	0
Cộng	284.781.600.000	280.785.600.000

(*) Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 090-2011-0077/HDDTDDDH-PN/SHBĐNAI ngày 16/02/2011; Hạn mức tín dụng: 18.256.000 USD; Mục đích vay: Bổ sung vốn thực hiện đầu tư dự án "Đầu tư dự án trồng cao su tại Campuchia"; Thời hạn cho vay: 15 năm; Lãi suất cho vay: tính theo thời điểm nhận nợ; Hình thức đảm bảo tiền vay: Vườn cây hình thành trên đất tọa lạc tại huyện Sambour, tỉnh Kratie, Vương quốc Campuchia. Tổng giá trị tài sản thế chấp có giá trị là 455.100.000.000 VND; Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 13.320.000 USD.

13. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng biến động vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế	Cộng
Số dư đầu năm trước	500.000.000.000	(105.287.405)	499.894.712.595
Tăng trong năm trước	100.000.000.000	0	100.000.000.000
Nhận góp vốn	100.000.000.000		100.000.000.000
Giảm trong năm trước	0	(1.011.029.840)	(1.011.029.840)
Lỗ trong năm trước		(1.011.029.840)	(1.011.029.840)
Giảm khác			0
Số dư cuối năm trước	600.000.000.000	(1.116.317.245)	598.883.682.755
Số dư đầu năm nay	600.000.000.000	(1.116.317.245)	598.883.682.755
Tăng trong năm nay	108.000.000.000	0	108.000.000.000
Nhận góp vốn	108.000.000.000		108.000.000.000
Lãi trong năm nay			0
Giảm trong năm nay	0	(2.950.873.600)	(2.950.873.600)
Lỗ trong năm nay		(2.950.873.600)	(2.950.873.600)
Số dư cuối năm nay	708.000.000.000	(4.067.190.845)	703.932.809.155

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	177.000.000.000	150.000.000.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai	435.000.000.000	354.000.000.000
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	96.000.000.000	96.000.000.000
Cộng	708.000.000.000	600.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn chủ sở hữu với các chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
Vốn góp đầu năm	600.000.000.000	500.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	108.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	0	0
Vốn góp cuối năm	708.000.000.000	600.000.000.000

d. Cổ phiếu	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.800.000	70.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.800.000	60.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	70.800.000	60.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
Số lượng cổ phiếu được mua, bán lại trong kỳ	0	0
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	0	0
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.800.000	60.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	70.800.000	60.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

14. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.541.593.622	50.826.303.943
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	101.129.023	315.800.981
Cộng	21.642.722.645	51.142.104.924
15. Chi phí hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	21.288.391.651	49.898.131.405
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	714.590.220	0
Cộng	22.002.981.871	49.898.131.405
16. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt hành chính	2.890.294	6.077.750
Cộng	2.890.294	6.077.750

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

01. Những khoản nợ tiềm tàng

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

02. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

03. Thông tin hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

04. Công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	28.876.195.364	13.840.719.993	28.876.195.364	13.840.719.993
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	888.580.929.427	815.096.464.427	83.691.057.327	815.096.464.427
Các khoản phải thu khác	70.935.031.913	50.211.872.792	70.935.031.913	50.211.872.792
Cộng	988.392.156.704	879.149.057.212	183.502.284.604	879.149.057.212
B. Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	284.781.600.000	280.785.600.000	284.781.600.000	280.785.600.000
Chi phí phải trả	333.044.357	373.595.574	333.044.357	373.595.574
Các khoản phải trả khác	20.400.000	20.400.000	20.400.000	20.400.000
Cộng	285.135.044.357	281.179.595.574	285.135.044.357	281.179.595.574

Công ty chưa đánh giá (chưa xác định được) giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu năm				
Vay và nợ	0	0	280.785.600.000	280.785.600.000
Chi phí phải trả	373.595.574	0	0	373.595.574
Các khoản phải trả khác	20.400.000	0	0	20.400.000
Cộng	393.995.574	0	280.785.600.000	281.179.595.574
Số cuối năm				
Vay và nợ	0	0	284.781.600.000	284.781.600.000
Chi phí phải trả	333.044.357	0	0	333.044.357
Các khoản phải trả khác	20.400.000	0	0	20.400.000
Cộng	353.444.357	0	284.781.600.000	285.135.044.357

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

05. Báo cáo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

06. Giao dịch với các bên liên quan**a. Các bên liên quan**

Trong năm 2014 và tại ngày 31/12/2014, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Tên gọi	Địa điểm	Quan hệ
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Cổ đông
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	Công ty mẹ
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	TP. Hà Nội	Cổ đông
Công ty TNHH Phát triển Cao su Đồng Nai Kratie	Campuchia	Công ty con

b. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Tên gọi	Nghiệp vụ	Số tiền
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Nhận vốn góp	27.000.000.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai	Nhận vốn góp	81.000.000.000
Công ty TNHH Phát triển Cao su Đồng Nai Kratie	Góp vốn đầu tư	62.742.865.000
	Cho vay vốn	10.741.600.000
	Lãi vay phải thu	20.720.659.121

c. Vào ngày 31/12/2014, các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

Công nợ phải thu	Số tiền
Công ty TNHH Phát triển Cao su Đồng Nai Kratie	Gốc tiền vay dài hạn còn phải thu công ty con 284.781.600.000
	Lãi vay còn phải thu công ty con 70.932.531.900

d. Giao dịch với các thành viên chủ chốt

Thù lao Hội đồng Quản trị	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	0	0
Số phải trả trong năm	156.000.000	156.000.000
Số đã trả trong năm	(156.000.000)	(156.000.000)
Số còn phải trả cuối năm	0	0

07. Số liệu so sánh.

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

08. Phê duyệt và phát hành Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty được Ban Giám đốc phê duyệt để ban hành vào ngày 15/01/2015.

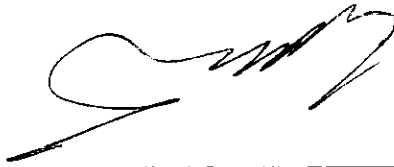


Người lập biểu

Hồ Văn Hà

Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 15 tháng 01 năm 2015



Kế toán trưởng

Huỳnh Văn Tư



Tổng Giám đốc

Ngô Toàn

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực **23589** quyền số 09-SCT/BS

Ngày 09 tháng 09 năm 2015

Tại UBND Phường Nguyễn Thái Bình

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Chí Việt